TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2019/DSPT
Ngày 06/09/2019
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc

Ông Nguyễn Thành Mới

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa **:**Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLPT - DS, ngày 23/07/2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 01 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2019/QĐPT-DS ngày 07 tháng 08 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1939 (vắng).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông T là: bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1972 (có mặt). Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*:

1/ Ông Mai Văn B, sinh năm 1952 (có mặt).
2/ Ông Mai Văn T, sinh năm 1963 (vắng).
3/ Ông Phạm Văn L, sinh năm 1961(vắng).
4/ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1970(có mặt).
5/ Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1969(vắng).
6/ Ông Võ Văn D, sinh năm 1962 (vắng).

7/ Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1972 (vắng).

8/ Ông Võ Văn G, sinh năm 1965(vắng).

9/ Ông Võ Văn D, sinh năm 1967 (vắng).

10/ Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1977(vắng).

11/ Ông Đặng Hoài Th, sinh năm 1954 (vắng).

12/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953(vắng).

13/ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1972(vắng).

- *Người đại diện hợp pháp của ông T, ông L, ông T, ông D, ông Ú, ông G, ông D, ông M, ông Th, ông Đ, ông H* là ông Mai Tấn B (ủy quyền ngày 16/8/2019, ngày 23/8/2019).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Chí D, sinh năm 1981 (vắng).

Địa chỉ: 27/3/36/6 Khu phố 4, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Trần Thị Hoa H, sinh năm 1965 (vắng).

Địa chỉ: 291C khu phố 3, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

3/ Trần Trung H, sinh năm 1987 (vắng).

4/ Trần Thanh S, sinh năm 1974 (vắng).

5/ Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1983 (vắng).

6/ Trần Thanh D, sinh năm 1967 (vắng).

7/ Trần Thị Ánh H, sinh năm 1977 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Trần Chí H, sinh năm 1979 (vắng).

Địa chỉ: G3/24C ấp 7, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Trần Thị Thuý H, sinh năm 1972 (vắng).

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp của anh D, chị Hoa H, anh H, anh S, chị Cẩm H, anh D, chị Ánh H, anh H là chị Trần Thị Thúy H* .

10/ Hùynh Thị H, sinh năm 1931(vắng).

11/ Mai Hào Đ, sinh năm 1986 (vắng).

12/ Mai Thị Minh H, sinh năm 1990 (vắng).

13/ Mai Thị Hồng H, sinh năm 1984 (vắng).

14/ Mai Thanh T, sinh năm 1993 (vắng).

15/ Mai Trung K, sinh năm 1981 (vắng).

16/ Mai Ngọc Th, sinh năm 1989 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Tân An H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp của bà H, Mai Hào Đ, Mai Thị Minh H, Mai Thị Hồng H, Mai Thanh T, Mai Trung K, Mai Ngọc Th là ông Mai Văn B.*

17/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1953 (vắng).
- *Người đại diện hợp pháp của bà Năm là* ông Mai Tấn B.
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
18/ Trần Thị Thu H, sinh năm 1970 (vắng).
Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long
19/ Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1975 (vắng).
- *Người đại diện hợp pháp của bà Chi là* ông Mai Tấn B.
20/ Trần Thị B, sinh năm 1944 (vắng).
21/ Nguyễn Thị S, sinh năm 1962 (vắng).
22/ Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970 (vắng).
- *Người đại diện hợp pháp của bà Sậm, bà Thủy là* ông Mai Tấn Bọ.
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
23/ Phạm Thị Phương H, sinh năm 1979(vắng).
24/ Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1999 (vắng).
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
25/Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (vắng).
26/ Nguyễn Văn X, sinh năm 1979 (vắng).
27/ Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1983 (vắng).
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
28/Nguyễn Thị Ử, sinh năm 1959 (vắng).
29/ Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1984 (vắng).
30/ Phạm Văn S, sinh năm 1987 (vắng).
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
31/ Nguyễn Thị M, sinh năm 1934 (vắng).
32/ Nguyễn Thị Mỹ Đ, sinh năm 1972 (vắng).
33/Nguyễn Văn Hoài K, sinh năm 1996 (vắng).
34/Nguyễn Thị E, sinh năm 1970 (vắng).
35/Nguyễn Văn S, sinh năm 1966 (vắng).
36/ Nguyễn Văn Hoài P, sinh năm 1990 (vắng).
37/ Nguyễn Hoài K, sinh năm 1992 (vắng).
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
38/ Lê Thị Ng, sinh năm 1963 (vắng).
39/Mai Thành C, sinh năm 1989 (vắng).
40/ Mai Thành Đ, sinh năm 1989 (vắng).
Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
41/Võ Văn Quy L, sinh năm 1991 (vắng).
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
42/ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 (vắng).

43/ Võ Hoài T, sinh năm 1991 (vắng).

44/Võ Thị Hồng Nh, sinh năm 1994 (vắng).

45/ Võ Hoài Ph, sinh năm 1996 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

46/ Võ Văn C, sinh năm 1995 (vắng).

47/ Võ Thị T, sinh năm 1997 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

48/ Mai Thị S, sinh năm 1957 (vắng).

49/ Đặng Thị Bé Th, sinh năm 1981 (vắng).

50/ Đặng Thị Thúy O, sinh năm 1985 (vắng).

51/Đặng Thị Thu S, sinh năm 1987 (vắng).

52/ Đặng Trung H, sinh năm 1990 (vắng).

53/ Đặng Trí Ng, sinh năm 1996 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

54/ Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1970 (vắng).

55/Phạm Quốc D, sinh năm 1994 (vắng).

56/Phạm Duy T, sinh năm 1997 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

57/ Mai Ngọc H, sinh năm 1971 (vắng).

58/ Phạm Quốc Đ, sinh năm 1989 (vắng).

59/ Phạm Mai N, sinh năm 1993 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

60/ Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1975 (vắng).

61/ Phạm Thị T, sinh năm 1995 (vắng).

62/Phạm Hoàng M, sinh năm 1998 (vắng).

63/ Phạm Văn Nh, sinh năm 1963 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long .

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 09 năm 2008 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn Tấn trình bày:*

Vào năm 1975 ông Trần Văn T có nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn B phần đất có diện tích 2.500m^2, loại đất 2L, tọa lạc tại : ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

. Việc chuyển nhượng đất giữa ông T và ông B có lập giấy tay mua bán, hai bên thỏa thuận ông T chuyển nhượng cho ông B trọn thửa, trọn diện tích. Thực

hiện thỏa thuận, ông B đã giao thửa đất cho ông T trực tiếp quản lý canh tác từ năm 1975 đến nay. Đến năm 1993 ông T kê khai và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 223 diện tích 2.340m^2 loại đất thổ quả cấp ngày 26 tháng 10 năm 1993.

Sau khi rã tập đoàn ông T và ông B có thỏa thuận, ông T sẽ cho ông B mượn một phần diện tích đất thuộc thửa 223 (thửa mới 216) để mở một lối đi từ lộ làng vào phần đất còn lại của ông B. Đến khi ông T có nhu cầu sử dụng phần đất cho mượn thì ông B không trả. Ông T khởi kiện yêu cầu ông B trả lại ông T phần lối đi có diện tích 144m^2 (ngang 1,5 mét dài 76 mét) thuộc thửa 223 diện tích 2.340m^2 do ông Trần Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/10/2011 và ngày 09/5/2012 nguyên đơn ông T yêu cầu ông Mai Văn Bọ, ông Mai Văn T1, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn N, ông Phạm Văn T2, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn G, ông Võ Văn G1, ông Võ Văn D, anh Nguyễn Hoàng M, Phạm Văn Nh và anh Đặng Hoài Th trả ông T phần diện tích đất lối đi là 260,9m^2 thuộc thửa 223 diện tích chung 2.340m^2 tọa lạc tại ấp ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông T không đồng ý.

-Tại đơn khởi kiện (yêu cầu phản tố) và các tài liệu, chứng cứ tại Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị đơn ông Mai Văn Bọ trình bày:

Thửa đất 223 có nguồn gốc là của cha, mẹ cho ông B trước năm 1975. Đến năm 1975 ông B có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T diện tích là 2.500m^2 thuộc chiếc thửa 223 tọa lạc tại ấp ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Việc mua bán giữa ông B và ông T có lập giấy tay nhưng đã bị thất lạc. Ông B giao đất cho ông T có đo đạc xác định tứ cận như sau: hướng đông tính từ tim lộ làng đo về hướng nam (con kinh tập thể), hướng tây giáp với phần đất còn lại của ông B, hướng bắc giáp với phần đất của ông Phạm Văn N. Cùng thời điểm trên ông B có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn N phần diện tích giáp với đất ông N và giữa phần đất ông B chuyển nhượng cho ông T có chừa lại một lối đi ngang 03 mét chiều dài từ lộ làng vào đến thửa đất còn lại của ông B.

Ông B thỏa thuận diện tích chuyển nhượng cho ông T tính luôn phần đất thuộc kinh, ông T đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Bọ không tranh chấp, lối đi vẫn do ông B quản lý sử dụng từ năm 1975 cho đến hiện nay.

Ngoài gia đình ông B sử dụng lối đi còn có các hộ gia đình có đất canh tác ở phía trong cũng sử dụng chung lối đi gồm: hộ ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn N, ông Phạm Văn T2, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D1, ông Võ Văn D, anh Nguyễn

Hoàng M và anh Đặng Hoài Th. Nay ông B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Tấn và yêu cầu ông Tấn dành cho ông B và các bị đơn lối đi. Trong trường hợp Tòa án công nhận lối đi đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông Bọ, thì ông B đồng ý tiếp tục cho các bị đơn tiếp tục sử dụng không yêu cầu những người này phải bồi thường giá trị đất. Trường hợp Tòa án công nhận lối đi trên thuộc quyền sử dụng đất của ông T thì ông B giao đất và không yêu cầu bồi thường công rãi đá và sang lắp.

- *Ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Đặng Hoài Th trình bày:* Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông B, diện tích đất tranh chấp 260,9m^2 thuộc thửa 223 diện tích 2.340m^2 thì các hộ đồng bị đơn đã sử dụng làm lối đi nhiều năm nay, yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất này của ông B để cho phía bị đơn tiếp tục sử dụng làm lối đi cho sinh hoạt hàng ngày và sản xuất nông nghiệp.

- *Ông Mai Văn B đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Phạm Văn T2, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, ông Võ Văn Gi, bà Lê Thị T trình bày:*

Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T. Phần diện tích lối đi ông T đang tranh chấp với ông B đã được sử dụng chung từ trước giải phóng cho đến hiện nay, ban đầu lối đi này chỉ là bờ ranh ruộng sau đó được ông B cải tạo mở rộng, trải đá lên bề mặt lộ, các bị đơn còn lại chỉ đóng góp công sức không có góp chi phí mở lộ. Ngoài lối đi đang tranh chấp bị đơn không còn lối đi nào khác, yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp cho bị đơn.

- *Bà Trần Thị B trình bày*: Xác định phần diện tích đất ông T đang tranh chấp với ông B là đúng theo trích đo, vị trí đất do ông Trần Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, ý kiến trình bày của chị H không bổ sung gì thêm.

- *Chị Trần Thị Thúy H đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hoa H, Trần Thanh D, Trần Thanh S, Trần Thị Ánh H, Trần Chí H, Trần Chí D, Trần Thị Cẩm H, Trần Trung H trình bày*: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Tấn, không có yêu cầu trong vụ án này.

- *Chị Trần Thị Thúy H, chị Trần Thị Thu H trình bày*: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T, không có yêu cầu trong vụ án này.

- *Ông Mai Văn B đại diện hợp pháp của bà Hùynh Thị H, Mai Hào Đ, Mai Thị Minh H, Mai Thị Hồng H, Mai Thanh T, Mai Trung K, Mai Ngọc Th trình bày*:

Thống nhất yêu cầu phản tố và ý kiến trình bày của bị đơn, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì trong vụ án.

- *Chị Phạm Thị Phương H, Nguyễn Thị Kiều A, Nguyễn Thị T Nguyễn Văn X, Đỗ Thị Thanh Th, Nguyễn Thị Ử, Phạm Thị Hồng C, Phạm Văn S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Mỹ Đ, Nguyễn Văn Hoài Kh, Nguyễn Thị E, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Hoài Ph, Nguyễn Hoài Kh, Lê Thị Ng, Huỳnh Thị H, Mai Thành C, Mai Thành Đ, Võ Văn Quy Lợ, Võ Thị Đ, Võ Hoài Th, Võ Thị Hồng N, Võ Hoài Ph, Võ Văn C, Võ Thị T, Mai Thị S, Đặng Thị Bé T, Đặng Thị Thúy O, Đặng Thị Thu S, Đặng Trung H, Đặng Trí Ng, Nguyễn Thị Hồng Á, Phạm Quốc D, Phạm Duy T, Mai Ngọc H, Phạm Quốc Đ, Phạm Mai N, Nguyễn Thị Kim C, Phạm Thị T, Phạm Hoàng M, Nguyễn Văn Ú* có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không yêu cầu, cung cấp chứng cứ gì trong vụ án này, thống nhất yêu cầu và ý kiến trình bày của bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 01 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 157, Điều 266 Điều 141, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 192, 193, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 11 Nghị định số 70/1997/CP ngày 12/6/1997 của Chính Phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T (do bà Trần Thị Thúy H là đại diện theo ủy quyền):

Công nhận diện tích đất 260,9m^2 (gồm các mốc 2,3,5,4,2) tại tách thửa 216-2 thuộc thửa 216 loại đất ở nông thôn và cây lâu năm quả, tọa lạc tại ấp ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Longthuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần Văn Tấn (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của đồng bị đơn ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th.

Các hộ Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th được quyền tiếp tục sử dụng phần đất làm lối đi chung có diện tích đất 260,9m^2 (gồm các mốc 2,3,5,4,2) tại tách thửa 216-2 thuộc thửa 216 loại đất ở nông thôn và cây lâu năm quả, tọa lạc tại ấp ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

Buộc ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th có trách nhiệm liên đới hoàn trả ông Trần Văn Tấn giá trị đất có diện tích 260,9m^2 số tiền là 26.090.000đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự (ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Thanh Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th) có quyền, nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động phần đất được công nhận theo quy định Pháp luật về đất đai.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T buộc ông Phạm Văn N trả lại diện tích đất 260,9m^2 (gồm các mốc 2,3,5,4,2), loại đất ở nông thôn và lâu năm quả tọa lạc tại ấp ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long tại tách thửa 216-2 thuộc thửa 216, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

.....

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Mai Văn B, ông Mai Văn T1, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn T, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th nộp tiền án phí 1.304.500 đồng (Một triệu ba trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng), khấu trừ 456.500 đồng (bốn trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số 0006345, ngày 19/3/2018. Bị đơn còn phải nộp thêm 848.000đ (Tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng)

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả ông Trần Văn T số tiền: 100.000đ (một trăm ngàn đồng) theo lai thu số 000235, ngày 09/10/2008; 9.345.000đ (Chín triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), theo lai thu số 004116, ngày 24/10/2011; 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo lai thu số 008569, ngày 10/5/2012 mà nguyên đơn đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 16/4/2019 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định số 89/QĐKNPT-VKS - DS kháng nghị phúc thẩm bản án số 15/2019/DS-ST ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, nội dung kháng nghị như sau: Bản án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng trong việc không ra thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí nhưng vẫn xem xét yêu cầu khởi kiện của ông H, thiếu sót áp dụng điều luật khi tuyên án, tính án phí không đúng, thiếu sót trong việc tuyên án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long về việc tính án phí và không ra thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí nhưng vẫn xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồng.

- Ông B và ông T và ông B đại diện cho ông Mai Văn T1, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th xác định số tiền tạm ứng án phí các bị đơn đã nộp 450.000đ là của 13 người trong đó có ông H; ông H có yêu cầu phản tố về lối đi; có sự nhầm lẫn của Tòa án nên không ghi tên ông H mà ghi hai tên ông D tại thông báo nộp tiền tạm ứng án phí. Ông B, ông Đ, ông Th tự nguyện nộp án phí sơ thẩm, không yêu cầu miễn án phí sơ thẩm.

- Đại diện nguyên đơn ông Tấn là chị Hồng đồng ý cho ông Hồng đi trên đất như án sơ thẩm đã xét xử.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung : Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M về việc tính án phí và không ra thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí nhưng vẫn xem xét yêu cầu khởi kiện của ông H; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M- tỉnh Vĩnh Long. Sửa một phần bản án sơ thẩm; Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T yêu cầu ông Phạm Văn N trả lại diện tích 260,9m^2 loại đất ở nông thôn và lâu năm quả; Đương sự ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn

T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th có quyền, nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động phần đất được công nhận theo quy định của pháp luật. Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 01/04/2019 thì đến ngày 16/04/2019 nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long còn trong hạn luật định nên là kháng nghị hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung:* Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long về việc tính án phí không đúng quy định.Ông Mai Văn B, sinh năm 1952, ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953, ông Đặng Hoài Th, sinh năm 19, theo quy định pháp luật thì các ông thuộc trường hợp người cao tuổi được xem xét miễn nộp án phí, nhưng ông B, ông Đ, ông Th có ý kiến tự nguyện nộp án phí, không đề nghị được miễn án phí. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M về vi phạm của Tòa án trong việc không ra thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí nhưng vẫn xem xét yêu cầu khởi kiện của ông H. Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót khi không ra thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí, tại phiên tòa phúc thẩm ông B thừa nhận trong số tiền ông B nộp tạm ứng án phí có tiền của ông Hồng đưa ông B nộp nhưng trong thông báo nộp tạm ứng án phí không ghi tên ông H mà ghi tên ông D đến hai lần. Đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị đối với kháng nghị về tính án phí và không ra thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí nhưng vẫn xem xét yêu cầu khởi kiện của ông H nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị này.

[3] Xét kháng nghị về việc thiếu sót áp dụng điều luật khi tuyên án. Phần nhận định của Tòa án về việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Văn N và đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng phần quyết định của bản án không căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tuyên đình chỉ là thiếu sót khi áp dụng điều luật. Do vậy

Hội đồng xét xét thống nhất chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít về việc thiếu sót áp dụng điều luật khi tuyên án.

[4] Xét kháng nghị về việc thiếu sót trong việc tuyên án. Bản án tuyên đương sự ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Thanh Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th có quyền, nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động phần đất được công nhận theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng trong các bị đơn chỉ có một đương sự tên Phạm Văn H. Tòa sơ thẩm lại tuyên có hai đương sự tên Phạm Văn H, bản án sơ thẩm không có đương sự tên Đặng Hoài Thanh Đ nhưng lại tuyên có đương sự tên Đặng Hoài Thanh Đ. Do vậy Hội đồng xét xét thống nhất chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M về việc thiếu sót trong việc tuyên án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát đo đạc, định giá không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284; 289; khoản 2 Điều 308; 309 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long về việc tính án phí và không ra thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí nhưng vẫn xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồng.

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 16 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 157, Điều 266 Điều 141, Điều 238; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 192, 193, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 11 Nghị định số 70/1997/CP ngày 12/6/1997 của Chính Phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T do bà Trần Thị Thúy H làm đại diện.

Công nhận diện tích đất 260,9m^2 (gồm các mốc 2,3,5,4,2) tại tách thửa 216-2 thuộc thửa 216 loại đất ở nông thôn và cây lâu năm quả, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần Văn T (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của đồng bị đơn ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th.

Các hộ Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th được quyền tiếp tục sử dụng phần đất làm lối đi chung có diện tích đất 260,9m^2 (gồm các mốc 2,3,5,4,2) tại tách thửa 216-2 thuộc thửa 216 loại đất ở nông thôn và cây lâu năm quả, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

Buộc ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th có trách nhiệm liên đới hoàn trả ông Trần Văn Tấn giá trị đất có diện tích 260,9m^2 bằng số tiền là 26.090.000đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th có quyền, nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động phần đất được công nhận theo quy định pháp luật về đất đai.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T buộc ông Phạm Văn N trả lại diện tích đất 260,9m^2 (gồm các mốc 2,3,5,4,2), loại đất ở nông thôn và lâu năm quả tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, tại tách thửa 216-2 thuộc thửa 216, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Mai Văn B, ông Mai Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn T2, ông Võ Văn D, ông Nguyễn

Văn Ú, ông Võ Văn Gi, ông Võ Văn D, ông Nguyễn Hoàng M, ông Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Văn H, anh Đặng Hoài Th nộp tiền án phí 1.304.500 đồng (một triệu ba trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng), khấu trừ 456.500 đồng (bốn trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số 0006345, ngày 19/3/2018. Bị đơn còn phải nộp thêm 848.000đ (Tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng)

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả ông Trần Văn T số tiền: 100.000đ (một trăm ngàn đồng) theo lai thu số 000235, ngày 09/10/2008; 9.345.000đ (Chín triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), theo lai thu số 004116, ngày 24/10/2011; 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo lai thu số 008569, ngày 10/5/2012 mà nguyên đơn đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít tỉnh Vĩnh Long.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát đo đạc, định giá không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện M;
- Chi Cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tổ HC-TP; TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Trần Thị Ngọc Dung